TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2023
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thanh Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Ánh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Giang Ngọc Hà, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết thanhm gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc: "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị A, sinh năm: 1977
Địa chỉ: khu phố 2, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1977
Địa chỉ: khu phố 2, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 20/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường B. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2007, ngày 03/5/2007. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, càng sau này hôn nhân không hạnh phúc, ông C nghề nghiệp tự do, có mối quan hệ với người phụ nữ khác tên Liên ở thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, họ đã có 02 con chung có khi vài tháng ông C mới về nhà. Khi về ông C kiếm chuyện đập phá tài sản, đánh chửi bà gây hoảng sợ cho mẹ con bà. Cuộc sống ngày càng bế tắc, bà không còn tình cảm với ông C nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn theo thủ tục được pháp luật quy định, ông C không ký nhận giấy tờ của Tòa án giao, sau đó có đọc vẫn biết ngày Tòa

án mời, gọi điện thoại có nghe, biết nhưng không đến, gây khó khăn cho Tòa và cho bà, bà phải nghỉ làm việc đến Tòa theo qui định, ông bà hiện nay đã mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là Nguyễn F E, (giới tính: nam), sinh ngày 11/02/1999, Nguyễn Huy F, (giới tính: nam), sinh ngày 04/6/2001 hai con đều đã trưởng thành và Nguyễn G, (giới tính: nam), sinh ngày 04/10/2013. Sau ly hôn bà muốn trực tiếp nuôi con chưa thành niên Nguyễn G, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, còn 02 con chung Nguyễn F E, Nguyễn Huy F đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà A thanh thiết yêu cầu Tòa án giải quyết sớm để mẹ con bà ổn định cuộc sống, bà kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông C vì không còn tình cảm với nhau nữa.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C có nhận Giấy triệu tập của Tòa án, biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết việc bà A yêu cầu ly hôn với ông, ông có nghe điện thoại Tòa án báo gọi nhưng không đến Tòa; không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71; Bị đơn không thực hiện đúng Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: về hôn nhân, bà Phan Thị A được ly hôn ông Nguyễn Văn C, về con chung, giao con chưa thành niên Nguyễn G cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, 02 con chung Nguyễn F E, Nguyễn Huy F đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét. Về tài sản và nợ chung bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí bà Phan Thị A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Phan Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết; về con chung ông bà có 03 con chung là Nguyễn F E, (giới tính: nam), sinh ngày 11/02/1999, Nguyễn Huy F, (giới tính: nam), sinh ngày 04/6/2001 hai con đều đã trưởng thành và Nguyễn G, (giới tính: nam), sinh ngày 04/10/2013. Đây là vụ kiện "Ly hôn, nuôi con chung" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án thành phố Phan Thiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các bước thụ lý, hòa giải, ra Quyết định xét xử… nguyên đơn thanhm gia và chấp hành đầy đủ theo qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C vẫn vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: bà Phan Thị A và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu, sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào năm 2007. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2007, ngày 03/5/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà A cho rằng, cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn, xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông C là người có nghề nghiệp tự do, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, họ đã có 02 con chung có khi vài tháng ông C mới về nhà. Khi về ông C kiếm chuyện đập phá tài sản, đánh chửi bà gây hoảng sợ cho mẹ con bà, dù có cố gắng thêm cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, gia đình hiện nay thực sự đã tan vỡ, ông bà mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm dẫn đến bế tắc trong cuộc sống nên bà yêu cầu HĐXX xem xét cho ông bà được ly hôn.

HĐXX xét thấy thực tế ông bà đã không sống cùng nhau đã vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, ông C thậm chí còn đánh đập bà, ông bà đã sống ly thân, điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, gia đình không hạnh phúc nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A với ông C theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2]. Về con chung: ông bà có 03 con chung là Nguyễn F E, (giới tính: nam), sinh ngày 11/02/1999, Nguyễn Huy F, (giới tính: nam), sinh ngày 04/6/2001 hai con đều đã trưởng thành và Nguyễn G, (giới tính: nam), sinh ngày 04/10/2013. Nguyện vọng bà A sau ly hôn muốn được trực tiếp nuôi con chưa thành niên Nguyễn G, bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Toà án đã thu thập bản tự khai thể hiện ý chí nguyện vọng của con chung nên HĐXX nhận thấy các yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: Do bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: bà Phan Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị A đối với ông Nguyễn Văn C; bà Phan Thị A được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là Nguyễn F E, (giới tính: nam), sinh ngày 11/02/1999, Nguyễn Huy F, (giới tính: nam), sinh ngày 04/6/2001 hai con đều đã trưởng thành và Nguyễn G, (giới tính: nam), sinh ngày 04/10/2013.

Giao con chung Nguyễn G cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Bà Phan Thị A không yêu cầu ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xét, 02 con chung Nguyễn F E, Nguyễn Huy F đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Ông C được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thanhy đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: bà Phan Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: bà Phan Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình. Ngày 22/02/2023 bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015419 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển sang án phí, án phí bà A đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị A được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2023), bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP.Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THANHDS TP.Phan Thiết;
- UBND các đương sự ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Ngọc